



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

4403000108  
3800311306

ngày 1 tháng 1 năm 2008  
ngày 2 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

|                        |   |
|------------------------|---|
| Ông Lê Minh Tuấn       | Chủ tịch<br>(từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)      |
| Ông Nguyễn Thanh Phú   | Chủ tịch<br>(đến ngày 31 tháng 12 năm 2017)   |
| Ông Lê Minh Tuấn       | Thành viên<br>(đến ngày 31 tháng 12 năm 2017) |
| Ông Nguyễn Quang Quyền | Thành viên                                    |
| Ông Nguyễn Trọng Hiền  | Thành viên<br>(từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)   |
| Ông Nguyễn Anh Vũ      | Thành viên<br>(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)  |
| Ông Đinh Văn Sơn       | Thành viên<br>(từ ngày 11 tháng 8 năm 2017)   |
| Ông Lê Quốc Vũ         | Thành viên<br>(đến ngày 10 tháng 8 năm 2017)  |

**Ban Tổng Giám đốc**

|                       |   |
|-----------------------|---|
| Ông Lê Minh Tuấn      | Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)       |
| Ông Nguyễn Thanh Phú  | Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 31 tháng 5 năm 2017)     |
| Ông Nguyễn Hùng Lượng | Phó Tổng Giám đốc<br>(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)   |
| Ông Lê Minh Tuấn      | Phó Tổng Giám đốc<br>(đến ngày 31 tháng 5 năm 2017) |
| Ông Đinh Văn Sơn      | Phó Tổng Giám đốc                                   |

**Trụ sở đăng ký**

Khu 5, Phường Thác Mơ  
Thị xã Phước Long  
Tỉnh Bình Phước  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
Lê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 21 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-255/01

Hà Vũ Định  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b> |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |              |                    |                           |                         |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | <b>100</b>   |                    | <b>616.777.269.762</b>    | <b>475.220.786.262</b>  |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                      | <b>110</b>   | <b>5</b>           | <b>55.114.455.126</b>     | <b>49.940.805.127</b>   |
| Tiền   | 111          |                    | 55.114.455.126            | 2.479.031.916           |
| Các khoản tương đương tiền                                     | 112          |                    | -                         | 47.461.773.211          |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                               | <b>120</b>   |                    | <b>436.677.737.524</b>    | <b>262.277.212.219</b>  |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                | 123          | 6(a)               | 436.677.737.524           | 262.277.212.219         |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                             | <b>130</b>   |                    | <b>115.963.551.481</b>    | <b>155.851.791.225</b>  |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                               | 131          | 7                  | 77.524.136.945            | 113.294.316.548         |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                               | 132          |                    | 214.730.196               | 204.730.196             |
| Phải thu ngắn hạn khác   | 136          | 8                  | 38.480.818.905            | 42.608.879.046          |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                             | 137          |                    | (256.134.565)             | (256.134.565)           |
| <b>Hàng tồn kho</b>  | <b>140</b>   | <b>9</b>           | <b>8.984.309.885</b>      | <b>7.150.977.691</b>    |
| Hàng tồn kho   | 141          |                    | 8.984.309.885             | 7.150.977.691           |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                   | <b>150</b>   |                    | <b>37.215.746</b>         | <b>-</b>                |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                     | 151          |                    | 37.215.746                | -                       |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b> |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>Tài sản dài hạn<br/>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b> | <b>200</b>   |                    | <b>421.036.170.081</b>    | <b>511.078.427.364</b>  |
| <b>Tài sản cố định</b>                                   | <b>220</b>   |                    | <b>89.470.755.706</b>     | <b>191.817.843.488</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                                 | 221          | 10                 | 74.717.348.746            | 176.548.119.860         |
| Nguyên giá   | 222          |                    | 1.971.463.642.620         | 1.971.463.642.620       |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                   | 223          |                    | (1.896.746.293.874)       | (1.794.915.522.760)     |
| Tài sản cố định vô hình                                  | 227          | 11                 | 14.753.406.960            | 15.269.723.628          |
| Nguyên giá   | 228          |                    | 17.417.750.910            | 17.417.750.910          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                   | 229          |                    | (2.664.343.950)           | (2.148.027.282)         |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                           | <b>240</b>   |                    | <b>1.532.873.358</b>      | <b>1.297.148.276</b>    |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                  | 242          | 12                 | 1.532.873.358             | 1.297.148.276           |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                          | <b>250</b>   |                    | <b>327.291.569.970</b>    | <b>315.244.542.047</b>  |
| Đầu tư vào công ty con                                   | 251          | 6(b)               | 186.134.430.000           | 186.134.430.000         |
| Đầu tư vào các công ty liên kết                          | 252          | 6(b)               | 34.000.000.000            | 34.000.000.000          |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                           | 253          | 6(b)               | 150.860.000.000           | 150.860.000.000         |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn                        | 254          | 6(b)               | (43.702.860.030)          | (55.749.887.953)        |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                              | <b>260</b>   |                    | <b>2.740.971.047</b>      | <b>2.718.893.553</b>    |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn              | 263          |                    | 2.740.971.047             | 2.718.893.553           |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                    | <b>270</b>   |                    | <b>1.037.813.439.843</b>  | <b>986.299.213.626</b>  |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã<br>số   | Thuyết<br>minh | 31/12/2017<br>VND        | 1/1/2017<br>VND        |
|---|------------|----------------|--------------------------|------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                            |            |                |                          |                        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>        | <b>300</b> |                | <b>85.803.378.614</b>    | <b>90.095.129.672</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |                | <b>77.791.889.278</b>    | <b>86.711.255.211</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        |                | 2.474.639.554            | 772.601.118            |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        |                | 2.154.325.934            | -                      |
| Thuế phải nộp Nhà nước                      | 313        | 13             | 41.483.486.199           | 10.444.665.095         |
| Phải trả người lao động                     | 314        |                | 20.499.917.172           | 18.151.266.937         |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        |                | 166.110.725              | -                      |
| Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 14             | 7.748.433.554            | 48.029.809.633         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        | 15             | 3.264.976.140            | 9.312.912.428          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                           | <b>330</b> |                | <b>8.011.489.336</b>     | <b>3.383.874.461</b>   |
| Dự phòng phải trả dài hạn                   | 342        |                | 2.803.076.500            | 1.895.461.625          |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ        | 343        | 16             | 5.208.412.836            | 1.488.412.836          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>           | <b>400</b> |                | <b>952.010.061.229</b>   | <b>896.204.083.954</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>17</b>      | <b>952.010.061.229</b>   | <b>896.204.083.954</b> |
| Vốn cổ phần                                 | 411        | 18             | 700.000.000.000          | 700.000.000.000        |
| Vốn khác của chủ sở hữu                     | 414        |                | 56.454.368.091           | 56.454.368.091         |
| Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | 20             | 3.349.890.365            | 90.688.965.210         |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |                | 192.205.802.773          | 49.060.750.653         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN<br/>(440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |                | <b>1.037.813.439.843</b> | <b>986.299.213.626</b> |

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh  
Kế toán trưởng



  
Lê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2017<br>VND            | 2016<br>VND            |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                           | <b>01</b> | <b>21</b>   | <b>587.420.258.581</b> | <b>354.848.550.591</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>                             | <b>11</b> | <b>22</b>   | <b>230.363.972.367</b> | <b>212.055.659.044</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>                                     | <b>20</b> |             | <b>357.056.286.214</b> | <b>142.792.891.547</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 23          | 24.089.084.692         | 41.673.667.979         |
| Chi phí tài chính   | 22        | 24          | (11.523.652.351)       | 58.824.092.987         |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>  | 23        |             | 523.375.572            | 20.382.800.738         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 25          | 27.705.598.234         | 23.082.435.652         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b> | <b>30</b> |             | <b>364.963.425.023</b> | <b>102.560.030.887</b> |
| Thu nhập khác   | 31        |             | -                      | 879.018.183            |
| Chi phí khác  | 32        |             | -                      | 22.126.000             |
| <b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                         | <b>40</b> |             | <b>-</b>               | <b>856.892.183</b>     |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                      | <b>50</b> |             | <b>364.963.425.023</b> | <b>103.416.923.070</b> |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                                      | <b>51</b> | <b>27</b>   | <b>73.109.565.548</b>  | <b>18.196.894.836</b>  |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>                     | <b>60</b> |             | <b>291.853.859.475</b> | <b>85.220.028.234</b>  |

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh  
Kế toán trưởng



  
Lê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>2017<br/>VND</b>      | <b>2016<br/>VND</b>    |
|--|--------------|--------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                             |              |                          |                        |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b>    | <b>364.963.425.023</b>   | <b>103.416.923.070</b> |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |              |                          |                        |
| Khấu hao và phân bổ  | 02           | 102.347.087.782          | 116.289.256.998        |
| Các khoản dự phòng   | 03           | (7.308.965.326)          | 37.889.690.860         |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05           | (24.089.084.692)         | (42.209.958.888)       |
| Chi phí lãi vay  | 06           | 523.375.572              | 20.382.800.738         |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b>    | <b>436.435.838.359</b>   | <b>235.768.712.778</b> |
| Biến động các khoản phải thu   | 09           | 44.281.257.410           | (46.636.472.362)       |
| Biến động hàng tồn kho   | 10           | (1.855.409.688)          | 239.341.131            |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                           | 11           | 12.201.797.473           | 1.858.462.288          |
| Biến động chi phí trả trước  | 12           | (37.215.746)             | 75.465.262             |
|  |              | <b>491.026.267.808</b>   | <b>191.305.509.097</b> |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14           | (523.375.572)            | (25.472.140.089)       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15           | (47.978.018.000)         | (21.859.991.717)       |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                     | 17           | (11.206.266.210)         | (10.534.900.461)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                       | <b>20</b>    | <b>431.318.608.026</b>   | <b>133.438.476.830</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                 |              |                          |                        |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định                                 | 21           | (235.725.082)            | (416.189.481)          |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định                                       | 22           | -                        | 536.290.909            |
| Tiền gửi tiền gửi có kỳ hạn  | 23           | (399.167.743.609)        | (123.684.250.022)      |
| Tiền rút từ tiền gửi có kỳ hạn   | 24           | 224.767.218.304          | 341.422.158.017        |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết                           | 25           | -                        | (16.200.000.000)       |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức  | 27           | 19.696.067.026           | 8.216.272.602          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                           | <b>30</b>    | <b>(154.940.183.361)</b> | <b>209.874.282.025</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| Mã số | 2017<br>VND | 2016<br>VND |
|-------|-------------|-------------|
|-------|-------------|-------------|

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|   |           |                          |                          |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền thu từ đi vay  | 33        | 162.531.672.433          | 647.028.582.553          |
| Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | (162.531.672.433)        | (894.457.608.244)        |
| Tiền trả cổ tức   | 36        | (271.204.774.666)        | (176.334.957.258)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                   | <b>40</b> | <b>(271.204.774.666)</b> | <b>(423.763.982.949)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm<br/>(50 = 20 + 30 + 40)</b>                        | <b>50</b> | <b>5.173.649.999</b>     | <b>(80.451.224.094)</b>  |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                                     | <b>60</b> | <b>49.940.805.127</b>    | <b>130.392.029.221</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm<br/>(70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b> | <b>70</b> | <b>55.114.455.126</b>    | <b>49.940.805.127</b>    |

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Bùi Thị Kim Na  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Huỳnh Văn Khánh  
Kế toán trưởngLê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

### **(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết) được liệt kê dưới đây:

| Tên đơn vị  | Loại hình                         | Tỷ lệ vốn sở hữu tại ngày |          | Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày |          |
|---|-----------------------------------|---------------------------|----------|---------------------------------|----------|
|   |                                   | 31/12/2017                | 1/1/2017 | 31/12/2017                      | 1/1/2017 |
| <b>Các công ty con</b>                                |                                   |                           |          |                                 |          |
| Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên                    | Thủy điện                         | 99,78%                    | 99,78%   | 99,92%                          | 99,92%   |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa                     | Thủy điện                         | 61,17%                    | 61,52%   | 61,17%                          | 61,52%   |
| <b>Các công ty liên kết</b>                           |                                   |                           |          |                                 |          |
| Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình                 | Phong điện                        | 20%                       | 20%      | 20%                             | 20%      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 35%                       | 35%      | 35%                             | 35%      |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 124 nhân viên (1/1/2017: 128 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 20 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 8 – 15 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 10 – 20 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 5 – 8 năm   |

#### **(g) Tài sản cố định vô hình**

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 50 năm.



## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

#### **(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### ***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **(k) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(I) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### **(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(n) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp và chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### **(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### **(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất này.

## **4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 16 tháng 3 năm 2017 (“ngày niêm yết”). Do đó, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào công ty này (Thuyết minh 6) dựa vào giá thị trường kể từ ngày niêm yết. Trước ngày niêm yết, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho khoản đầu tư vào công ty này được lập khi công ty này phát sinh lỗ. Sự thay đổi ước tính kế toán này đã làm chi phí tài chính tăng 5.643.035.934 VND và lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã giảm 4.514.428.747 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: Không), khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đã giảm 4.514.428.747 VND và tài khoản “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” đã tăng 5.643.035.934 VND trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
|                            | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Tiền mặt                   | 1.591.303.270     | 942.926.816     |
| Tiền gửi ngân hàng         | 53.523.151.856    | 1.536.105.100   |
| Các khoản tương đương tiền | -                 | 47.461.773.211  |
|                            | 55.114.455.126    | 49.940.805.127  |
|                            | 55.114.455.126    | 49.940.805.127  |

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|  | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|--|-------------------|-----------------|
|  | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn |                   |                 |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn                       | 436.677.737.524   | 262.277.212.219 |
|  | 436.677.737.524   | 262.277.212.219 |
|  | 436.677.737.524   | 262.277.212.219 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm là 6,5% - 7,5% (2016: 6,4% - 6,7%).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào đơn vị khác**

|   | 31/12/2017        |          |                    |                        |                         | 1/1/2017          |          |                    |                        |                         |
|---|-------------------|----------|--------------------|------------------------|-------------------------|-------------------|----------|--------------------|------------------------|-------------------------|
|   | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND     | Dự phòng VND            | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND     | Dự phòng VND            |
| <b>Công ty con</b>  |                   |          |                    |                        |                         |                   |          |                    |                        |                         |
| ▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (*)                    | 13.720.000        | 99,78%   | 99,92%             | 137.200.000.000        | -                       | 13.720.000        | 99,78%   | 99,92%             | 137.200.000.000        | -                       |
| ▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa (*)                     | 4.893.443         | 61,17%   | 61,17%             | 48.934.430.000         | -                       | 4.893.443         | 61,52%   | 61,52%             | 48.934.430.000         | -                       |
|   |                   |          |                    | <u>186.134.430.000</u> | <u>-</u>                |                   |          |                    | <u>186.134.430.000</u> | <u>-</u>                |
| <b>Công ty liên kết</b>                                     |                   |          |                    |                        |                         |                   |          |                    |                        |                         |
| ▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (*)                 | 3.260.000         | 20%      | 20%                | 32.600.000.000         | (4.822.860.030)         | 3.260.000         | 20%      | 20%                | 32.600.000.000         | -                       |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ (*) | 140.000           | 35%      | 35%                | 1.400.000.000          | -                       | 140.000           | 35%      | 35%                | 1.400.000.000          | -                       |
|   |                   |          |                    | <u>34.000.000.000</u>  | <u>(4.822.860.030)</u>  |                   |          |                    | <u>34.000.000.000</u>  | <u>-</u>                |
| <b>Đơn vị khác</b>  |                   |          |                    |                        |                         |                   |          |                    |                        |                         |
| ▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                     | 13.500.000        | 3%       | 3%                 | 149.580.000.000        | (38.880.000.000)        | 13.500.000        | 3%       | 3%                 | 149.580.000.000        | (55.749.887.953)        |
| ▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai (*)                      | 150.000           | 10%      | 10%                | 1.280.000.000          | -                       | 150.000           | 10%      | 10%                | 1.280.000.000          | -                       |
|   |                   |          |                    | <u>150.860.000.000</u> | <u>(38.880.000.000)</u> |                   |          |                    | <u>150.860.000.000</u> | <u>(55.749.887.953)</u> |
|   |                   |          |                    | <u>370.994.430.000</u> | <u>(43.702.860.030)</u> |                   |          |                    | <u>370.994.430.000</u> | <u>(55.749.887.953)</u> |

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

|                              | <b>2017</b>      | <b>2016</b>    |
|------------------------------|------------------|----------------|
|                              | <b>VND</b>       | <b>VND</b>     |
| Số dư đầu năm                | 55.749.887.953   | 17.308.595.704 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 4.822.860.030    | 38.441.292.249 |
| Hoàn nhập dự phòng           | (16.869.887.953) | -              |
|                              | 43.702.860.030   | 55.749.887.953 |
| Số dư cuối năm               | 43.702.860.030   | 55.749.887.953 |

## **7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

### **(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

|   | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|---|-------------------|-----------------|
|   | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 75.233.896.795    | 110.900.175.300 |
| Các khách hàng khác                               | 2.290.240.150     | 2.394.141.248   |
|   | 77.524.136.945    | 113.294.316.548 |
|   | 77.524.136.945    | 113.294.316.548 |

### **(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

|   | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|---|-------------------|-----------------|
|   | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| <b>Bên liên quan</b>                                |                   |                 |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam   | 75.233.896.795    | 110.900.175.300 |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất | 613.346.813       | -               |
| Ban quản lý Dự án Thủy điện 6                       | 223.441.625       | 160.319.258     |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2              | -                 | 70.279.643      |
|   | 76.070.684        | 160.319.258     |
|   | 76.070.684        | 160.319.258     |

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|---|-------------------|-----------------|
|   | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| <b>Công ty con</b>  |                   |                 |
| Cổ tức từ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa   | -                 | 8.318.853.100   |
| <b>Công ty liên quan khác</b>   |                   |                 |
| Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 | 27.403.205.715    | 27.414.662.678  |
| <b>Các bên khác</b>   |                   |                 |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn   | 10.029.095.000    | 5.636.077.334   |
| Các khoản phải thu khác   | 1.048.518.190     | 1.239.285.934   |
|   | 38.480.818.905    | 42.608.879.046  |
|   | 38.480.818.905    | 42.608.879.046  |

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Hàng tồn kho**

|                    | <b>31/12/2017</b> |                 | <b>1/1/2017</b> |                 |
|--------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|                    | <b>Giá gốc</b>    | <b>Dự phòng</b> | <b>Giá gốc</b>  | <b>Dự phòng</b> |
|                    | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      | <b>VND</b>      | <b>VND</b>      |
| Nguyên vật liệu    | 423.434.912       | -               | 379.765.175     | -               |
| Công cụ và dụng cụ | 10.337.030        | -               | 20.675.431      | -               |
| Dịch vụ dở dang    | 8.550.537.943     | -               | 6.750.537.085   | -               |
|                    | 8.984.309.885     | -               | 7.150.977.691   | -               |
|                    | 8.984.309.885     | -               | 7.150.977.691   | -               |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

|                               | <b>Nhà cửa,<br/>vật kiến trúc<br/>VND</b> | <b>Máy móc và<br/>thiết bị<br/>VND</b> | <b>Phương tiện<br/>vận chuyển<br/>VND</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|-------------------------------|---|--|---|---------------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |   |  |   |                                       |                     |
| Số dư đầu năm và cuối năm     | 1.245.125.408.542                         | 604.244.018.925                        | 116.279.805.175                           | 5.814.409.978                         | 1.971.463.642.620   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |   |  |   |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 1.079.275.178.783                         | 597.623.750.109                        | 112.753.209.568                           | 5.263.384.300                         | 1.794.915.522.760   |
| Khấu hao trong năm            | 100.068.081.971                           | 1.054.622.498                          | 466.677.468                               | 241.389.177                           | 101.830.771.114     |
| Số dư cuối năm                | 1.179.343.260.754                         | 598.678.372.607                        | 113.219.887.036                           | 5.504.773.477                         | 1.896.746.293.874   |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |   |  |   |                                       |                     |
| Số dư đầu năm                 | 165.850.229.759                           | 6.620.268.816                          | 3.526.595.607                             | 551.025.678                           | 176.548.119.860     |
| Số dư cuối năm                | 65.782.147.788                            | 5.565.646.318                          | 3.059.918.139                             | 309.636.501                           | 74.717.348.746      |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 976.722 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 793.722 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

|                               | <b>Quyền<br/>sử dụng đất<br/>VND</b> |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                      |
| Số dư đầu năm và cuối năm     | 17.417.750.910                       |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                      |
| Số dư đầu năm                 | 2.148.027.282                        |
| Khấu hao trong năm            | 516.316.668                          |
| Số dư cuối năm                | 2.664.343.950                        |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                      |
| Số dư đầu năm                 | 15.269.723.628                       |
| Số dư cuối năm                | 14.753.406.960                       |

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|----------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm  | 1.297.148.276       | 1.128.628.795       |
| Tăng trong năm | 235.725.082         | 168.519.481         |
| Số dư cuối năm | 1.532.873.358       | 1.297.148.276       |

**13. Thuế phải nộp Nhà nước**

|                            | <b>1/1/2017<br/>VND</b> | <b>Số phát sinh<br/>trong năm<br/>VND</b> | <b>Số đã nộp/<br/>đã cần trừ<br/>trong năm<br/>VND</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> |
|----------------------------|-------------------------|---|--|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 1.309.876.941           | 58.706.901.910                            | (56.586.968.998)                                       | 3.429.809.853             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.056.894.836           | 73.109.565.548                            | (47.978.018.000)                                       | 30.188.442.384            |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 2.060.219               | 2.449.983.100                             | (2.228.607.609)  | 223.435.710               |
| Thuế tài nguyên            | 2.180.069.519           | 64.456.328.645                            | (63.353.195.068)                                       | 3.283.203.096             |
| Các loại thuế khác         | 1.895.763.580           | 16.490.135.522                            | (14.027.303.946)                                       | 4.358.595.156             |
|                            | 10.444.665.095          | 215.212.914.725                           | (184.174.093.621)                                      | 41.483.486.199            |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

|                         | <b>31/12/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|-------------------------|-------------------|-----------------|
|                         | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Cổ tức phải trả         | 6.917.353.788     | 47.122.128.454  |
| Kinh phí công đoàn      | 47.161.180        | 32.110.000      |
| Các khoản phải trả khác | 783.918.586       | 875.571.179     |
|                         | 7.748.433.554     | 48.029.809.633  |
|                         | 7.748.433.554     | 48.029.809.633  |

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|                                      | <b>2017</b>      | <b>2016</b>      |
|--------------------------------------|------------------|------------------|
|                                      | <b>VND</b>       | <b>VND</b>       |
| Số dư đầu năm                        | 9.312.912.428    | 11.752.494.132   |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 17) | 5.047.882.200    | 7.819.000.000    |
| Sử dụng trong năm                    | (11.095.818.488) | (10.258.581.704) |
|                                      | 3.264.976.140    | 9.312.912.428    |
|                                      | 3.264.976.140    | 9.312.912.428    |

**16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty. Biến động của phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

|                                      | <b>2017</b>   | <b>2016</b>   |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
|                                      | <b>VND</b>    | <b>VND</b>    |
| Số dư đầu năm                        | 1.488.412.836 | 1.743.151.843 |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 25) | 3.720.000.000 | -             |
| Sử dụng trong năm                    | -             | (254.739.007) |
|                                      | 5.208.412.836 | 1.488.412.836 |
|                                      | 5.208.412.836 | 1.488.412.836 |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|  | <b>Vốn cổ phần<br/>VND</b> | <b>Vốn khác của<br/>chủ sở hữu<br/>VND</b> | <b>Quỹ đầu tư<br/>phát triển<br/>VND</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế<br/>chưa phân phối<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|--|----------------------------|--|--|--|---------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>               | 700.000.000.000            | 56.454.368.091                             | 70.688.965.210                           | 208.659.722.419                                      | 1.035.803.055.720   |
| Lợi nhuận thuần trong năm                              | -                          | -  | -  | 85.220.028.234                                       | 85.220.028.234      |
| Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 20)     | -                          | -  | 20.000.000.000                           | (20.000.000.000)                                     | -                   |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) | -                          | -  | -  | (7.819.000.000)                                      | (7.819.000.000)     |
| Cổ tức (Thuyết minh 19)                                | -                          | -  | -  | (217.000.000.000)                                    | (217.000.000.000)   |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>               | 700.000.000.000            | 56.454.368.091                             | 90.688.965.210                           | 49.060.750.653                                       | 896.204.083.954     |
| Lợi nhuận thuần trong năm                              | -                          | -  | -  | 291.853.859.475                                      | 291.853.859.475     |
| Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 20)     | -                          | -  | 3.349.890.365                            | (3.349.890.365)                                      | -                   |
| Hoàn nhập quỹ (*)                                      | -                          | -  | (90.688.965.210)                         | 90.688.965.210                                       | -                   |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) | -                          | -  | -  | (5.047.882.200)                                      | (5.047.882.200)     |
| Cổ tức (Thuyết minh 19)                                | -                          | -  | -  | (231.000.000.000)                                    | (231.000.000.000)   |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>             | 700.000.000.000            | 56.454.368.091                             | 3.349.890.365                            | 192.205.802.773                                      | 952.010.061.229     |

(\*) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định hoàn nhập hết số dư quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

|  | 31/12/2017  |                 | 1/1/2017    |                 |
|--|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
|  | Số cổ phiếu | VND             | Số cổ phiếu | VND             |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành</b> |             |                 |             |                 |
| Cổ phiếu phổ thông                         | 70.000.000  | 700.000.000.000 | 70.000.000  | 700.000.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>           |             |                 |             |                 |
| Cổ phiếu phổ thông                         | 70.000.000  | 700.000.000.000 | 70.000.000  | 700.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.

## 19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 189.000 triệu VND, trong đó có 42.000 triệu VND đã được trích vào cuối năm 2016 (2016: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là 175.000 triệu VND).

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 84.000 triệu VND (2016: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016: 42.000 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

|                                      | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm                        | 90.688.965.210      | 70.688.965.210      |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 17) | 3.349.890.365       | 20.000.000.000      |
| Hoàn nhập (Thuyết minh 17)           | (90.688.965.210)    | -                   |
|                                      | <hr/>               | <hr/>               |
| Số dư cuối năm                       | 3.349.890.365       | 90.688.965.210      |

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

|  | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|--|---------------------|---------------------|
| Doanh thu bán điện                           | 577.262.301.435     | 346.102.828.774     |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 10.157.957.146      | 8.745.721.817       |
|  | <hr/>               | <hr/>               |
|  | 587.420.258.581     | 354.848.550.591     |

**22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

|   | <b>2017<br/>VND</b> | <b>2016<br/>VND</b> |
|---|---------------------|---------------------|
| Giá vốn sản xuất điện                       | 222.524.355.439     | 206.250.010.481     |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác | 7.839.616.928       | 5.805.648.563       |
|   | <hr/>               | <hr/>               |
|   | 230.363.972.367     | 212.055.659.044     |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                             | <b>2017</b>    | <b>2016</b>    |
|-----------------------------|----------------|----------------|
|                             | <b>VND</b>     | <b>VND</b>     |
| Lãi tiền gửi                | 23.849.084.692 | 29.478.820.479 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 240.000.000    | 12.194.847.500 |
|                             | 24.089.084.692 | 41.673.667.979 |

**24. Chi phí tài chính**

|   | <b>2017</b>      | <b>2016</b>    |
|---|------------------|----------------|
|   | <b>VND</b>       | <b>VND</b>     |
| Chi phí lãi vay   | 523.375.572      | 20.382.800.738 |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (12.047.027.923) | 38.441.292.249 |
|   | (11.523.652.351) | 58.824.092.987 |

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|   | <b>2017</b>    | <b>2016</b>    |
|---|----------------|----------------|
|   | <b>VND</b>     | <b>VND</b>     |
| Chi phí nhân công   | 12.263.998.946 | 15.113.919.315 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                                     | 1.361.254.521  | 1.424.226.643  |
| Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Thuyết minh 16) | 3.720.000.000  | -              |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                    | -              | (551.601.389)  |
| Chi phí khác  | 10.360.344.767 | 7.095.891.083  |
|   | 27.705.598.234 | 23.082.435.652 |



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | <b>2017</b>     | <b>2016</b>     |
|--|-----------------|-----------------|
|  | <b>VND</b>      | <b>VND</b>      |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 2.221.674.548   | 2.437.433.023   |
| Chi phí nhân công                              | 37.138.472.782  | 32.284.276.888  |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 102.347.087.782 | 116.289.256.998 |
| Chi phí sửa chữa lớn                           | 3.926.787.107   | 19.695.574.223  |
| Chi phí khác                                   | 112.435.548.382 | 64.431.553.564  |

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

|  | <b>2017</b>    | <b>2016</b>    |
|--|----------------|----------------|
|  | <b>VND</b>     | <b>VND</b>     |
| <b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b> |                |                |
| Năm hiện hành                          | 73.109.565.548 | 18.196.894.836 |

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                      | <b>2017</b>     | <b>2016</b>     |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                      | <b>VND</b>      | <b>VND</b>      |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế         | 364.963.425.023 | 103.416.923.070 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 72.992.685.005  | 20.683.384.614  |
| Chi phí không được khấu trừ thuế     | 169.425.998     | 62.800.000      |
| Thu nhập không bị tính thuế          | (48.000.000)    | (2.438.969.500) |
| Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời    | (4.545.455)     | (110.320.278)   |
|                                      | 73.109.565.548  | 18.196.894.836  |

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2016: 20%).

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **28. Các công cụ tài chính**

### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

#### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

#### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, và phải thu ngắn hạn khác.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)****Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|  | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2017<br/>VND</b> | <b>1/1/2017<br/>VND</b> |
|--|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng                       | (i)                | 53.523.151.856            | 1.536.105.100           |
| Các khoản tương đương tiền               | (i)                | -                         | 47.461.773.211          |
| Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn            | (i)                | 436.677.737.524           | 262.277.212.219         |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần | (ii)               | 77.268.002.380            | 113.038.181.983         |
| Phải thu ngắn hạn khác                   | (ii)               | 38.480.818.905            | 42.608.879.046          |
|  |                    | <hr/>                     | <hr/>                   |
|  |                    | 605.949.710.665           | 466.922.151.559         |

**(i) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn***

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) *Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác***

Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

|                    | <b>2017</b><br><b>VND</b> | <b>2016</b><br><b>VND</b> |
|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm      | 256.134.565               | 807.735.954               |
| Hoàn nhập dự phòng | -                         | (551.601.389)             |
| Số dư cuối năm     | 256.134.565               | 256.134.565               |

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b> | <b>Giá trị ghi sổ</b><br><b>VND</b> | <b>Dòng tiền</b><br><b>theo hợp đồng</b><br><b>VND</b> | <b>Trong vòng</b><br><b>1 năm</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------------|-------------------------------------|--|---|
| Phải trả người bán ngắn hạn      | 2.474.639.554                       | 2.474.639.554  | 2.474.639.554                                   |
| Phải trả người lao động          | 20.499.917.172                      | 20.499.917.172   | 20.499.917.172                                  |
| Chi phí phải trả ngắn hạn        | 166.110.725                         | 166.110.725  | 166.110.725                                     |
| Phải trả ngắn hạn khác           | 7.748.433.554                       | 7.748.433.554  | 7.748.433.554                                   |
|                                  | 30.889.101.005                      | 30.889.101.005   | 30.889.101.005                                  |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| Ngày 31 tháng 12 năm 2016   | Giá trị ghi sổ<br>VND | Dòng tiền<br>theo hợp đồng<br>VND | Trong vòng<br>1 năm<br>VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn | 772.601.118           | 772.601.118                       | 772.601.118                |
| Phải trả người lao động     | 18.151.266.937        | 18.151.266.937                    | 18.151.266.937             |
| Phải trả ngắn hạn khác      | 48.029.809.633        | 48.029.809.633                    | 48.029.809.633             |
|                             | 66.953.677.688        | 66.953.677.688                    | 66.953.677.688             |

**(d) *Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh riêng của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

***Rủi ro lãi suất***

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

|  | Giá trị ghi sổ    |                 |
|--|-------------------|-----------------|
|  | 31/12/2017<br>VND | 1/1/2017<br>VND |
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>   |                   |                 |
| ▪ Các khoản tương đương tiền                       | -                 | 47.461.773.211  |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn                    | 436.677.737.524   | 262.277.212.219 |
|  | 436.677.737.524   | 309.738.985.430 |
| <b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b> |                   |                 |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng                               | 53.523.151.856    | 1.536.105.100   |

***Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi***

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 428 triệu VND lợi nhuận thuần trước hợp nhất sau thuế TNDN của Công ty (1/1/2017: 12 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

|   | <b>Giá trị ghi sổ</b> |                  |
|---|-----------------------|------------------|
|   | <b>31/12/2017</b>     | <b>1/1/2017</b>  |
|   | <b>VND</b>            | <b>VND</b>       |
| <b>Tài sản tài chính</b>  |                       |                  |
| <i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>                        |                       |                  |
| ▪ Đầu tư vào công ty con (*)  | 186.134.430.000       | 186.134.430.000  |
| ▪ Đầu tư vào công ty liên kết – thuần (*)   | 29.177.139.970        | 34.000.000.000   |
| ▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – thuần (*)                                      | 111.980.000.000       | 95.110.112.047   |
| <i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>                            |                       |                  |
| ▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*)  | 55.114.455.126        | 49.940.805.127   |
| ▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)   | 436.677.737.524       | 262.277.212.219  |
| ▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần (*)                                    | 77.268.002.380        | 113.038.181.983  |
| ▪ Phải thu ngắn hạn khác (*)  | 38.480.818.905        | 42.608.879.046   |
|   | 934.832.583.905       | 783.109.620.422  |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>  |                       |                  |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i> |                       |                  |
| ▪ Phải trả người bán ngắn hạn (*)   | (2.474.639.554)       | (772.601.118)    |
| ▪ Phải trả người lao động (*)   | (20.499.917.172)      | (18.151.266.937) |
| ▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (*)   | (166.110.725)         | -                |
| ▪ Phải trả ngắn hạn khác (*)  | (7.748.433.554)       | (48.029.809.633) |
|   | (30.889.101.005)      | (66.953.677.688) |

**(ii) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|   | Giá trị giao dịch |                 |
|---|-------------------|-----------------|
|   | 2017<br>VND       | 2016<br>VND     |
| <b>Công ty mẹ</b>   |                   |                 |
| <b>Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên</b> |                   |                 |
| Cổ tức đã trả   | 141.731.850.000   | 90.853.750.000  |
| Cung cấp dịch vụ  | 249.705.455       | -               |
| Chi phí lãi vay   | -                 | 247.853.834     |
| <b>Các công ty con</b>  |                   |                 |
| <b>Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên</b>                     |                   |                 |
| Bán hàng hóa dịch vụ  | 410.271.483       | 1.500.000.000   |
| Mua hàng hóa dịch vụ  | 209.950.350       | -               |
| <b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa</b>                      |                   |                 |
| Bán hàng hóa dịch vụ  | 332.480.928       | 465.413.139     |
| Cổ tức đã nhận  | 8.318.853.100     | -               |
| <b>Các công ty liên kết</b>                                   |                   |                 |
| <b>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</b>                  |                   |                 |
| Góp vốn   | -                 | 16.200.000.000  |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ</b>  |                   |                 |
| Mua hàng hóa dịch vụ  | -                 | 119.587.420     |
| <b>Các công ty liên quan khác</b>                             |                   |                 |
| <b>Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh</b>                           |                   |                 |
| Cổ tức đã trả   | 116.390.586.000   | 72.359.350.000  |
| <b>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>      |                   |                 |
| Bán điện  | 577.262.301.435   | 346.102.828.774 |
| <b>Ban quản lý dự án thủy điện 6</b>                          |                   |                 |
| Cung cấp dịch vụ  | 1.232.501.526     | 977.715.288     |

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Giá trị giao dịch |               |
|---|-------------------|---------------|
|   | 2017<br>VND       | 2016<br>VND   |
| <b>Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh<br/>Tập đoàn điện lực Việt Nam</b> |                   |               |
| Mua hàng hóa dịch vụ  | 207.097.312       | 176.915.044   |
| <b>Tập đoàn điện lực Việt Nam</b>   |                   |               |
| Cung cấp dịch vụ  | 557.588.012       | -             |
| <b>Công ty Cổ phần Cơ điện Đồng Nai</b>   |                   |               |
| Cổ tức đã nhận  | 240.000.000       | -             |
| <b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>   |                   |               |
| <b>Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>                         |                   |               |
| Thù lao Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát                        | 1.825.789.000     | 1.376.805.000 |

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh  
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

